TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày 16 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ngợi;

Bà Vũ Thị Ngọc Tuyết.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Việt Hưng, ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ma Công N**, Sinh ngày 09/7/1977 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công chức địa chính - xây dựng xã; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Công T2 (đã chết) và bà Ma Thị C, sinh năm 1952; có vợ là bà Ma Thị N1, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; anh, chị, em ruột: có 06 người, bị cáo là thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm tạm giam từ ngày 10/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Lâm Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vũ Thanh T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Bị hại:

1. Bùi Doãn Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Phùng Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L1, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

3. Trần Hữu T1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn C1, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ma Phúc Đ1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

5. Phùng Thừa N2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

6. La Tài V, sinh năm 1992;

7. Bàn Thị H, sinh năm 1988;

8. Đặng Qúy S, sinh năm 1978;

9. Lý Tiến L2, sinh năm 1979;

10. Đặng Thị T3, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn T4, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị hại đều vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ma Thị N1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Công N, sinh năm 1977, trú tại thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh Tuyên Quang là công chức địa chính 1, xã P, huyện H1 (nay là huyện L) giai đoạn từ 2014 đến 2021. Với nhiệm vụ là tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn nhân dân làm hồ sơ để UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi dụng chức vụ được giao N đã nhiều lần chiếm đoạn tài sản của những người có nhu cầu được làm hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 5/2018 (không xác định được ngày) N đến đo đạc diện tích đất cho anh Bùi Doãn C2, trú tại thôn L1, xã P, huyện L, sau khi đo đất xong cho anh C2, N gặp chị P1 Thị T tại nhà anh C2, biết N là cán bộ địa chính 1 của xã và chị T có nhu cầu làm hồ sơ thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị T đã nhờ N đến đo đạc diện tích đất đang ở, sau khi đo đạc xong N nói với chị T "chỗ này làm sổ hết 4.000.000đ" và yêu cầu chị T đưa 4.000.000đ chị T đồng ý và đưa tiền cho N. Từ đó đến nay chị T chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã nhiều lần gọi điện thoại hỏi N, nhưng N nói hồ sơ đã chuyển đến huyện và yêu cầu chị chờ.

Lần 2: Khoảng tháng 7/2018 (không xác định được ngày), ông Trần Hữu T1, sinh năm 1954, trú tại Thôn C1, xã P có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đến UBND xã P để được hương dẫn thì gặp Ma Công N, được N hứa hướng dẫn, sau đó N đến nhà ông T1 xem xét, đo đạc, hoàn thiện hồ sơ đưa cho ông T1. Đến ngày 03/7/2018 N gọi điện thoại và đến nhà ông T1, khi H2 người đang ngồi nói chuyện thì ông T1 nói "chi phí hết bao nhiêu tiền, nhờ

anh giúp*" (ý ông T1 nói về chi phi, lệ phí theo quy định của nhà nước là bao nhiêu tiền)* N nói *"khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ"* sau đó ông T1 đưa cho N 4.000.000đ, quá trình ông T1 đưa tiền cho N có anh Nguyễn Quốc S1, trú tại thôn L1, xã P chứng kiến.

Lần 3: Khoảng tháng 8/2018 (không xác định được ngày), La Tài V, sinh năm 1993, trú tại thôn T4, xã P, huyện L có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đang ở, nên đã liên hệ với N đến để đo đạc và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc xong N có tự ý thu số tiền 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* của V, nhưng khi đó V không có tiền ngay để đưa cho N, ba ngày sau V có tiền và đưa đến nhà cho N tại thôn M, xã Q. Từ đó đến nay anh V chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã nhiều lần gọi điện thoại hỏi N, nhưng N chỉ giải T1 là đã nộp hồ sơ ở V phòng đăng ký đất đai huyện, qua các lần gọi điện hỏi N, anh V đã dùng điện thoại ghi âm cuộc gọi được 02 bản lời thoại thể hiện việc N đã nhận số tiền 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*.

Lần 4: Năm 2018 (không xác định được ngày và tháng) anh Ma Phúc Đ1, sinh năm 1986, trú tại thôn C3, xã P có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã gặp N để được hướng dẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, N đồng ý và đặt điều kiện muốn làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất pH đưa N 4.000.000đ, anh Đ1 đồng ý và đưa trước cho N 2.000.000đ.

Lân 5: Khoảng tháng 4/2019 (không xác định được ngày), Bùi Doãn Đ, sinh năm 1986, trú tại thôn B, xã P có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất mà nhà Đ đang ở. Do biết Ma Công N là Công chức địa chính đất đai xã P, nên Đ đã liên hệ với Ma Công N, đến để do đạc và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc diện tích đất, mặc dù biết diện tích đất của anh Đ không pH nộp tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên Ma Công N đã tự ý thu số tiền 3.000.000 đồng của anh Đ, sau khi thu tiền xong thì N không viết biên lai hay pH3 thu tiền cho anh Đ, quá trình N thu tiền của anh Đ, có anh Bùi Doãn N3 là em trai của Đ có mặt tại đó và dùng điện thoại di động quay video cảnh anh Đ đưa tiền cho N. Sau khi đo đạc và nhận tiền của anh Đ, N làm hồ sơ, thủ tục nộp cho V phòng đăng ký đất đai huyện H1để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ, rồi sau đó N lại đến nhà và B1 anh Đ đưa thêm số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng),* N nói với Đ đây là tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nhanh hơn. Nhưng từ đó đến nay anh Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thửa đất đang ở hiện tại, anh Đ đã nhiều lần liên hệ với N để đòi số tiền trước đó đã đưa cho N để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gọi điện N không nghe máy.

Lần 6: Khoảng tháng 5/2019 (Không xác định được ngày), anh Phùng Thừa N2, sinh năm 1972, trú tại thôn T4, xã P, huyện H1(nay là huyện L) đến UBND xã P để đề nghị N hướng dẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, N nhất trí sau đó đến thửa đất ông N2 đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo đạc hiện trạng và N đã nhận của ông N2 2.700.000đ được chia làm 03 lần cụ thể:

- Lần 1. N hẹn ông N2 đến đoạn đường gần Ủy ban nhân dân xã P để ông N2 đưa 500.000đ cho N.

- Lần 2: N hẹn ông N2 tại ngã ba thôn C3, xã P để nhận của ông N2 1.000.000đ.

- Lần 3. N hẹn và đến nhà ông N2, N nói với ông N2 "*còn nhiều chỗ một mình N không làm được"* Ông N2 nói *"Anh cần bao nhiêu"* N nói 1.200.000đ nữa sau đó ông N2 đưa thêm cho N 1.200.000đ.

Lần 7: Khoảng đầu tháng 8/2019 anh Lý Tiến L2, trú tại thôn T4, xã P, huyện L có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn T4, xã P nên anh L2 đã đến Ủy ban nhân dân xã P gặp N đặt V1 để lập hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đồng ý. Khoảng 04 ngày sau N đến nhà anh L2 để thống nhất làm thủ tục và yêu cầu anh L2 đưa số tiền 2.500.000đ để làm thủ tục, anh L2 đồng ý, sau đó N đi đo đạc thửa đất ở khu vực Cốc Ngún, thuộc thôn T4, xã P, huyện L rồi về nhà anh L2 ăn cơm trưa, trong lúc ăn cơm chi Đặng Thị T3 (vợ anh L2) đã đưa cho N 2.500.000đ, khi đưa tiền có anh Đặng Quý B1, sinh năm 1989, trú tại thôn T4, xã P, huyện L và anh Bùi Doãn C2 ăn cơn tại đó chứng kiến.

Lần 8: Khoảng tháng 9/2019, N đến đo đạc diện tích đất của chị Bàn Thị H, sinh năm 1988, trú tại thôn T4, xã P để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc xong, N nói với H2 là thủ tục hết 2.000.000đ. Do không biết về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị H đã đưa cho N 2.000.000đ

Ngoài ra năm 2018 lợi dụng quyền hạn, chức vụ được giao N đã chiếm đoạt của ông Đặng Quy S, sinh năm 1978, trú tại thôn T4, xã P số tiền 1.500.000đ cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5/2018, gia đình anh S có nhu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã liên hệ với N để được hướng dẫn, sau khi đo đạc xong N yêu cầu anh S đưa 1.500.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh S đã đưa số tiền như N đã yêu cầu. Khi anh S đưa tiền cho N có anh Đặng Quý B1, sinh năm 1989, anh La Văn T5, sinh năm 1989, anh Đặng Quy S2, sinh năm 1980 cùng trú tại thôn T4, xã P, huyện L chứng kiến.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và hình ảnh liên quan đến việc thu tiền của Ma Công N. Tại kiết luận giám định số

4380/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt gép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm, ghi hình và tệp video mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông trong các tệp ghi âm và tệp video mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (được ký hiệu là "N" trong bản dịch nội dung hội thoại mẫu cần giám định) và tiếng nói của ông Ma Công N trong mẫu so sánh là của một người.

- Tiếng nói của người đàn ông trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định ký hiệu A1 (được ký hiệu là "V" trong bản dịch nội dung hội thoại mẫu cần giám định) và tiếng nói của ông La Tài V trong mẫu so sánh là của một người.

- Tiếng nói của người đàn ông trong tệp video mẫu cần giám định ký hiệu A2 (được ký hiệu là "Đ" trong bản dịch nội dung hội thoại mẫu cần giám định) và tiếng nói của ông Bùi Doãn Đ trong mẫu so sánh là của một người.

- Không xác định được có tiếng nói của ông Bùi Doãn N3 trong tệp video mẫu cần giám định ký hiệu A2 hay không do thời lượng tiếng nói của người cần giám định quá ngắn.

* Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 02 đĩa DVD nhãn hiệu MAXLL do anh La Tài V và anh Bùi Doãn Đ giao nộp, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 của Bùi Doãn Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO mầu bạc của La Tài V, ngày 13/11/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện L đã xử lý vật chứng bằng cách trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu, đối với 02 đĩa DVD giữ kèm hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Ma Công N đã tác động đếm gia đình bồi thường toàn bộ số tiền N đã chiếm đoạt, các bị hại đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSLB ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố Ma Công N về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Ma Công N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Công N từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05(năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Ma Công N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo cùng vợ đã bồi thường xong cho các bị hại, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có ông nội là Ma Công H3 được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng hai, Huân chương kháng chiến hạng nhất; Bố vợ là ông Ma Văn V1 được tặng thưởng 02 Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 355, các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ma Công N mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, bị cáo và gia đình đã bồi thường xong tất cả các khoản tiền cho cá bị hại, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, ngoài mảnh đất và nhà gỗ 02 gian đang ở không có tài sản khác có giá trị, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Ma Công N nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ của người bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo Ma Công N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận

tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Ma Công N, S2 năm 1977, trú tại thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh Tuyên Quang nguyên là công chức địa chính 1, xã P, huyện H1 (nay là huyện L) giai đoạn từ 2014 đến 2021. Với nhiệm vụ là tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn người dân làm hồ sơ để được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biết rõ người dân khi kê khai làm thủ tục không phải nộp bất kỳ khoản tiền nào nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhiều lần chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu làm hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng số tiền N chiếm đoạt là 25.700.000đ.

Cáo trạng số 22/CT-VKSLB ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố Ma Công N về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ cho các bị hại, tất cả các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có ông nội là Ma Công H3 được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng hai, Huân chương kháng chiến hạng nhất; Bố vợ là ông Ma Văn V1 được tặng thưởng 02 Huân chương chiến sỹ vẻ vang và nhiều bằng khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt do đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên và Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy rằng: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Tài sản chung ngoài mảnh đất và ngôi nhà gỗ 02 gian 02 trái đang ở, không có tài sản gì có giá trị, bị cáo không có tài sản riêng, mặt khác gia đình bị cáo đang có 02 khoản vay nợ tại Ngân hàng là 150.000.000đ. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 của Bùi Doãn Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO mầu bạc của La Tài V, ngày 13/11/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Bình đã trả lại cho anh Đ và anh V nên HĐXX không xem xét. Đối với 02 đĩa DVD chứa âm thanh và hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội thu giữ, lưu theo hồ sơ vụ án.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Ma Công N phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*".

- Xử phạt: Bị cáo Ma Công N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/6/2022.

2. Về vật chứng: Thu giữ 02 đĩa DVD chứa âm thanh và hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội, lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ma Công N phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

N nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã Q;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Quỳnh